

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 38 /TTX-TCCB

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2018

V/v đăng ký chỉ tiêu dự thi nâng  
ngạch công chức lên ngạch CVC;  
CVCC năm 2018.

Kính gửi : Các đơn vị trong cơ quan

Căn cứ Nghị định 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ và Thông tư 13/2010/TT- BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định về tuyển dụng và nâng ngạch công chức;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức;

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước,

Sau khi xin chủ trương của Ban Lãnh đạo cơ quan, Ban Tổ chức - Cán bộ hướng dẫn thực hiện cụ thể dưới đây. Đề nghị đơn vị xem xét nhu cầu, vị trí làm việc và khả năng của công chức đăng ký chỉ tiêu dự thi lên ngạch chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính năm 2018 theo các tiêu chuẩn sau:

#### **I - ĐỐI TƯỢNG DỰ THI:**

Đối tượng đăng ký dự thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính năm 2018 là công chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của nhà nước. Công chức được xác định theo quy định tại Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ; Thông tư số 08/2011/TT-BNV ngày 02/6/2011 của Bộ Nội vụ quy định những người là công chức. *Theo đó đối tượng từ cấp Ban và tương đương trở lên của Thông tấn xã Việt Nam được xác định là công chức .*

*Công chức đăng ký dự thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính phải phù hợp với vị trí công tác, công chức không đúng vị trí công tác không cử và đăng ký tham dự kỳ thi này.*

#### **II - ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ THI**

Công chức đăng ký dự thi lên ngạch chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính năm 2018 phải có đủ các điều kiện sau:

##### **1 - Đối với thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp**

**1.1. Đối tượng dự thi:** Đối tượng dự thi từ ngạch chuyên viên chính (mã số ngạch **01.002**) lên ngạch chuyên viên cao cấp (mã số ngạch **01.001**) năm 2018 bao gồm:

a) Công chức được xác định theo quy định tại Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ và Thông tư số 08/2011/TT-BNV ngày 02/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 06/2010/NĐ-CP gồm:

b) Cán bộ theo quy định của Luật Cán bộ, công chức trong cơ quan xếp lương theo ngạch, bậc công chức hành chính (ngạch chuyên viên chính và tương đương) và hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo của chức vụ, chức danh đảm nhiệm;

## **1.2. Điều kiện dự thi**

Công chức đăng ký dự thi nâng ngạch chuyên viên chính lên ngạch chuyên viên cao cấp năm 2018 phải có đủ các điều kiện sau:

a) Là người đang ở ngạch chuyên viên chính, có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của ngạch chuyên viên cao cấp quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính;

b) Được cơ quan sử dụng công chức đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch; có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc trong thời gian đang bị cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật;

c) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm việc làm tương ứng với ngạch công chức cao hơn ngạch công chức hiện giữ trong cùng ngành chuyên môn;

*Riêng đối với tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp, theo quy định của Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thì vị trí việc làm để xét dự thi là công chức làm nhiệm vụ nghiên cứu, tham mưu tổng hợp chiến lược ở các bộ, ban, ngành Trung ương, lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân và người đứng đầu sở, ban, ngành và tương đương ở cấp tỉnh. Trường hợp công chức là cấp phó của người đứng đầu sở, ban, ngành và tương đương thì phải là cấp ủy viên cấp tỉnh hoặc được giao quyền, phụ trách cơ quan, đơn vị.*

d) Có thời gian giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương từ 05 năm (đủ 60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch chuyên viên chính tối thiểu 02 năm (đủ 24 tháng) tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

## **1.3. Tiêu chuẩn dự thi**

Công chức đăng ký dự thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên chính lên ngạch chuyên viên cao cấp năm 2018 có đủ các điều kiện quy định, phải đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;
- b) Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị;
- c) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp;
- d) Có chứng chỉ ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (một trong năm thứ tiếng: Anh; Pháp; Nga; Đức; Trung Quốc);
- đ) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;
- e) Đã chủ trì xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành được ít nhất 02 (hai) đề tài, đề án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành được nghiệm thu đạt yêu cầu hoặc chủ trì xây dựng ít nhất 02 (hai) đề tài, đề án, chương trình chuyên ngành hoặc tổng hợp về kinh tế, văn hóa, xã hội cấp tỉnh được cấp có thẩm quyền đánh giá đạt yêu cầu;
  - Đối với trường hợp xây dựng văn bản, đề án thì phải có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo, Tổ biên soạn thảo văn bản, đề án và kèm theo tên của văn bản, đề án đã được cấp có thẩm quyền thông qua;
  - Đối với trường hợp xây dựng đề tài nghiên cứu khoa học hoặc xây dựng các chương trình, đề án phát triển tổng thể kinh tế- xã hội của ngành phải có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia làm thành viên ban chủ nhiệm, ban soạn thảo đề tài, chương trình, đề án và kèm theo văn bản xác nhận đề tài, chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền thông qua.

## **2 - Đối với thi nâng ngạch chuyên viên chính**

### **2.1. Đối tượng dự thi**

Đối tượng dự thi từ ngạch chuyên viên (mã số ngạch **01.003**) lên ngạch chuyên viên chính (mã số ngạch **01.002**) năm 2018 bao gồm:

- a) Công chức được xác định theo Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ và Thông tư số 08/2011/TT-BNV của Bộ Nội vụ quy định những người là công chức có yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ cao về một hoặc một số lĩnh vực trong cơ quan; có trách nhiệm thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ phức tạp trong cơ quan, đơn vị, tham mưu, tổng hợp xây dựng hoặc tổ chức thực hiện chế độ, chính sách theo ngành.

b) Công chức theo quy định Luật Cán bộ, công chức trong cơ quan xếp lương theo ngạch, bậc công chức hành chính (ngạch chuyên viên và tương đương) và hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo của chức vụ, chức danh đảm nhiệm.

## **2.2. Điều kiện dự thi**

Công chức đăng ký dự thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính năm 2018 phải có đủ các điều kiện sau:

a) Là người đang ở ngạch chuyên viên, có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của ngạch chuyên viên chính quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính;

b) Được cơ quan sử dụng công chức đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch; có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc trong thời gian bị cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật;

c) Có thời gian giữ ngạch chuyên viên và tương đương từ 05 năm (đủ 60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch chuyên viên tối thiểu 03 năm (đủ 36 tháng) tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

## **2.3. Tiêu chuẩn dự thi**

Công chức đăng ký dự thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính năm 2018 phải có đủ các điều kiện dự thi này phải đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (một trong năm thứ tiếng: Anh; Pháp; Nga; Đức; Trung Quốc) hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

đ) Đối với công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên chính thì phải là người đã chủ trì xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật hoặc Chủ trì nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 (một) đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu.

- Đối với trường hợp xây dựng văn bản, đề án thì phải có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo, Tổ soạn thảo văn bản, đề án và kèm theo văn bản, đề án đã được cấp có thẩm quyền thông qua;

- Đối với trường hợp xây dựng đề tài nghiên cứu khoa học hoặc xây dựng các trương trình, đề án phát triển tổng thể kinh tế - xã hội từ cấp ngành trở lên thì phải có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia làm thành viên ban chủ nhiệm, ban soạn thảo đề tài, chương trình, đề án và kèm theo văn bản xác nhận đề tài, chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền thông qua.

### **III- ĐIỀU KIỆN MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ, MÔN TIN HỌC TRONG KỲ THI NÂNG NGẠCH**

Công chức tính đến thời điểm cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc môn tin học khi có một trong các điều kiện sau:

1. Đối với kỳ thi nâng ngạch lên chuyên viên cao cấp:

a) Miễn thi môn ngoại ngữ đối với trường hợp khi có một trong các điều kiện sau:

- Công chức từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ đang công tác tại các địa phương (trừ công chức thuộc các Bộ, ngành Trung ương công tác tại địa phương và công chức thuộc 05 thành phố trực thuộc Trung ương: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ);

- Công chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ;

- Công chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam;

- Công chức có bằng tốt nghiệp tiến sĩ hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 khung Châu Âu trở lên còn trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ đến thời điểm cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

b) Miễn thi môn tin học đối với công chức đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên.

2. Đối với kỳ thi nâng ngạch lên chuyên viên chính

a) Miễn thi môn ngoại ngữ đối với trường hợp khi có một trong các điều kiện sau:

- Công chức từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ;

- Công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số, có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền;

- Công chức là người dân tộc thiểu số đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

- Công chức có bằng tốt nghiệp về ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch dự thi;

- Công chức có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch dự thi học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam;

- Công chức có bằng tốt nghiệp tiến sĩ, thạc sĩ hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 khung Châu Âu trở lên còn trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ đến thời điểm cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

b) Miễn thi môn tin học đối với công chức đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên.

#### **IV- HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI**

##### **1. Nội dung hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính**

a) Bản sơ yếu lý lịch (theo mẫu 2c-BNV/2008 ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BNV ngày 06/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức), có xác nhận của cơ quan sử dụng công chức;

b) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức theo các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP;

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ của công chức theo yêu cầu của ngạch đăng ký dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

d) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch;

đ) Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch công chức dự thi được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi công chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 mm (theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức).

#### **V- NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI**

##### **1. Đối với kỳ thi nâng ngạch lên chuyên viên cao cấp**

a) Môn kiến thức chung:

- Hình thức thi: thi viết;

- Nội dung thi: kiểm tra kiến thức, năng lực, hiểu biết của cán bộ, công chức dự thi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy nhà nước; các vấn đề về quản lý hành chính nhà nước; về công vụ, công chức; về cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; phân tích các chủ trương, đường lối của Đảng và của pháp luật về ngành, lĩnh vực phù hợp với tiêu chuẩn của ngạch dự thi;

- Thời gian thi: 180 phút.

b) Môn chuyên môn, nghiệp vụ:

- Hình thức thi: gồm 01 bài thi viết và 01 bài thi trình bày, bảo vệ đề án;
- Nội dung thi: kiểm tra và đánh giá trình độ, năng lực và kỹ năng xây dựng Đề án, trình bày và bảo vệ các nội dung trong Đề án của công chức dự thi nhằm giải quyết những vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn gắn với tiêu chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch dự thi;
- Thời gian thi:
  - + Thi viết đề án: 8 giờ (480 phút);
  - + Thi trình bày và bảo vệ đề án: 45 phút (15 phút trình bày và 30 phút bảo vệ đề án).

c) Môn ngoại ngữ:

- Hình thức thi: thi viết và thi phỏng vấn;
- Nội dung thi: kiểm tra các kỹ năng đọc hiểu, viết và kỹ năng nghe nói (hội thoại) một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc ở trình độ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT);
- Thời gian thi: thi viết là 90 phút và phỏng vấn (hội thoại) là 15 phút;

d) Môn tin học văn phòng:

- Hình thức thi: thi trắc nghiệm hoặc thi thực hành trên máy vi tính;
- Nội dung thi: kiểm tra hiểu biết về hệ điều hành Windows, sử dụng các ứng dụng của Microsoft Office, sử dụng Internet ở trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

## 2. Đối với kỳ thi nâng ngạch lên chuyên viên chính

a) Môn kiến thức chung:

- Hình thức thi: thi viết;
- Nội dung thi: kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của công chức dự thi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy nhà nước; các vấn đề về quản lý hành chính nhà nước; phân công, phân cấp; về công vụ, công chức; về cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; phân tích các chủ trương, đường lối của Đảng và của pháp luật về ngành, lĩnh vực phù hợp với tiêu chuẩn của ngạch dự thi;
- Thời gian thi: 180 phút đối với trường hợp thi trắc nghiệm môn chuyên môn, nghiệp vụ; 120 phút đối với trường hợp thi viết môn chuyên môn, nghiệp vụ.

a) Môn chuyên môn, nghiệp vụ:

- Hình thức thi: thi trắc nghiệm hoặc thi viết;
- Nội dung thi: kiểm tra và đánh giá trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của công chức theo yêu cầu của ngạch dự thi;
- Thời gian thi: thi trắc nghiệm 45 phút, thi viết 180 phút.

b) Môn ngoại ngữ:

- Hình thức thi: thi viết;

- Nội dung thi: kiểm tra các kỹ năng đọc, viết một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;
- Thời gian thi: 90 phút.

c) Môn tin học văn phòng:

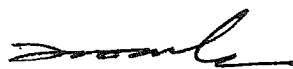
- Hình thức thi: thi trắc nghiệm hoặc thi thực hành trên máy vi tính;
- Nội dung thi: kiểm tra hiểu biết về hệ điều hành Windows, sử dụng các ứng dụng của Microsoft Office, sử dụng Internet ở trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT;
- Thời gian thi: 45 phút.

Đề nghị đơn vị rà soát, lập danh sách đăng ký chỉ tiêu dự thi nâng ngạch công chức chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp năm 2018 theo điều kiện và tiêu chuẩn trên và gửi danh sách đăng ký chỉ tiêu dự thi nâng ngạch về Ban Tổ chức - Cán bộ trước ngày **12 tháng 02 năm 2018** để tổng hợp báo cáo Bộ Nội vụ xin chỉ tiêu nâng ngạch. (Có mẫu đăng ký kèm theo - Mẫu số 03)

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu TCCB.

**KT.TRƯỞNG BAN TCCB  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Ngô Thị Kim Oanh**

**Thông tư số: 11/2014/TT-BNV ngày 19/10/2014**  
**Quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các**  
**ngạch công chức chuyên ngành hành chính.**

**Ngạch chuyên viên chính - Mã số ngạch: 01.002**

**1. Chức trách**

Là công chức hành chính có yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ cao về một hoặc một số lĩnh vực trong các cơ quan, tổ chức hành chính từ cấp huyện trở lên, có trách nhiệm thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ phức tạp trong cơ quan, đơn vị; tham mưu, tổng hợp xây dựng hoặc tổ chức thực hiện chế độ, chính sách theo ngành, lĩnh vực hoặc địa phương.

**2. Nhiệm vụ**

a) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, chế độ, chính sách; xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ trong phạm vi toàn quốc hoặc cấp tỉnh, cấp huyện;

b) Chủ trì nghiên cứu, xây dựng quy định, quy chế quản lý nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực hoặc của địa phương;

c) Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách chuyên môn nghiệp vụ; đề xuất các biện pháp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của ngành, lĩnh vực hoặc cơ quan từ cấp huyện trở lên;

d) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; xây dựng báo cáo, thống kê, quản lý hồ sơ lưu trữ, thực hiện quy trình nghiệp vụ; tổng hợp, đánh giá, hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý;

đ) Chủ trì nghiên cứu những đề tài, đề án về quản lý nghiệp vụ, cải tiến nội dung và nâng cao hiệu quả phương pháp quản lý;

e) Trực tiếp thực thi công vụ và các nhiệm vụ khác được cấp trên giao.

**3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ**

a) Nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước; hệ thống chính trị, hệ thống tổ chức các cơ quan nhà nước, chế độ công vụ, công chức và các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý;

b) Chủ trì, tổ chức xây dựng hoàn thiện thể chế; chủ trì xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện; xây dựng các đề án, dự án, chương trình công tác; đánh giá tác động về kinh tế, xã hội đối với các chính sách chuẩn bị ban hành;

c) Thành thạo kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính theo đúng thể thức, quy trình, thủ tục và thẩm quyền; trình bày và bảo vệ được các ý kiến, nội dung đề xuất; giải quyết tốt các nhiệm vụ được giao theo dõi, quản lý;

d) Tổ chức hướng dẫn, thực hiện chế độ, chính sách, các quy định về quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực hoặc địa phương đang công tác; thực hiện, đề xuất các biện pháp kiểm tra, đánh giá;

đ) Tổ chức phối hợp, tổ chức kiểm tra, tổng kết thực thi chính sách theo ngành, lĩnh vực hoặc địa phương;

e) Nắm được tình hình và xu thế phát triển ngành, lĩnh vực công tác trong nước và thế giới; tổ chức nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý;

g) Đối với công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên chính thì phải là người đã chủ trì xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật hoặc chủ trì nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 (một) đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu;

h) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên chính phải có thời gian giữ ngạch chuyên viên hoặc ngạch tương đương từ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch chuyên viên tối thiểu 3 năm (36 tháng).

#### **4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng**

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

**Thông tư số: 11/2014/TT-BNV ngày 19/10/2014**  
**Quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các**  
**ngạch công chức chuyên ngành hành chính.**

**Ngạch chuyên viên cao cấp - Mã số ngạch: 01.001**

**1. Chức trách**

Là công chức hành chính có yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ cao nhất về một hoặc một số lĩnh vực trong các cơ quan, tổ chức hành chính từ cấp tỉnh trở lên, có trách nhiệm chủ trì tham mưu, tổng hợp và hoạch định chính sách, chiến lược có tính vĩ mô theo ngành, lĩnh vực hoặc địa phương; tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện các chế độ, chính sách.

**2. Nhiệm vụ**

a) Chủ trì xây dựng, hoàn thiện thể chế hoặc các văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách kinh tế- xã hội, các đề án, chương trình, dự án có tầm cỡ chiến lược về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng, văn hóa, xã hội của Bộ, ngành trong phạm vi toàn quốc, hoặc đề án, chương trình, dự án tổng hợp kinh tế xã hội của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Tổ chức chỉ đạo, triển khai hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện thể chế quản lý chuyên môn nghiệp vụ và đề xuất các biện pháp, giải pháp để thực hiện có hiệu quả. Trường hợp đặc biệt, trực tiếp thực thi công vụ, nhiệm vụ cụ thể khác khi được cấp trên giao;

c) Tổ chức tổng kết, đánh giá và đề xuất các phương án sửa đổi, bổ sung, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý;

d) Chủ trì nghiên cứu đề tài, đề án và các công trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, cấp tỉnh nhằm đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, phục vụ thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước;

đ) Chủ trì nghiên cứu việc tổ chức biên soạn, xây dựng các tài liệu hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực; tổ chức tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc phổ biến kiến thức, kinh nghiệm của ngành, lĩnh vực.

**3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ**

a) Nắm vững và am hiểu sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước; định hướng phát triển, chiến lược, chính sách của ngành, lĩnh vực đang làm việc;

b) Nắm vững và am hiểu hệ thống các kiến thức quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và các quy định của pháp luật về chế độ công vụ, công chức;

c) Nắm vững tình hình và xu thế phát triển ngành, lĩnh vực công tác trong nước và thế giới; tổ chức nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý;

d) Có năng lực đề xuất, tham mưu hoạch định chính sách, chủ trì xây dựng các dự án luật, pháp lệnh, đề án, chương trình gắn với chuyên môn nghiệp vụ

của ngành, lĩnh vực công tác để trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

đ) Thành thạo và làm chủ các kỹ năng soạn thảo, thuyết trình, bảo vệ và tổ chức thực hiện để xây dựng và triển khai các dự án, đề án, chương trình liên quan đến công tác quản lý nhà nước;

e) Có năng lực phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và đề xuất được các phương pháp để hoàn thiện hoặc giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực hoặc địa phương;

g) Có năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác trong ngành, lĩnh vực hoặc địa phương;

h) Đối với công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp thì phải là người đã chủ trì xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành được ít nhất 02 (hai) văn bản quy phạm pháp luật hoặc đã chủ trì nghiên cứu, xây dựng ít nhất 02 (hai) đề tài, đề án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành được nghiệm thu đạt yêu cầu hoặc chủ trì xây dựng ít nhất 02 (hai) đề tài, đề án, chương trình chuyên ngành hoặc tổng hợp về kinh tế, văn hóa, xã hội cấp tỉnh được cấp có thẩm quyền đánh giá đạt yêu cầu;

i) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp phải có thời gian giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương từ đủ 5 năm trở lên (60 tháng), trong đó thời gian giữ ngạch chuyên viên chính tối thiểu 2 năm (24 tháng).

#### **4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng**

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

b) Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp;

d) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

đ) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.